

Bản án số: 202/2018/DS-PT

Ngày: 06/02/2018

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Chí Sang**

2. Bà **Trần Thị Kim Quy**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà **Vũ Thị Nguyệt Tú** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/01/2018 và ngày 06/02/2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 722/2017/TLPT-DS ngày 21/12/2017 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 347/2017/DS-ST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3201/2017/QĐ-PT ngày 26/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 592/2018/QĐ-PT ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1964 (có mặt ngày 31/01/2018, vắng mặt ngày 06/02/2018)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông **Nông Minh Đ1**, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Đức Q**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Đặng Thị Kim X**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2015, các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị Đ và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nông Minh Đ trình bày:

Trước năm 2010 bà Đ có quen với vợ chồng ông Nguyễn Đức Q, bà Nguyễn Thị Thúy V. Từ ngày 02/7/2010 đến ngày 25/8/2010 bà Đ đã 14 lần chuyển tiền cho vợ chồng ông Q, bà V mượn bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông Q số 1095501 tại Ngân hàng VP Bank chi nhánh H, tổng số tiền là 8.150.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, ông Q, bà V có hứa miệng với bà Đ trong vòng 01 năm sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Đến thời hạn trả nợ, bà Đ có đến nhà ông Q, bà V yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông Q, bà V luôn né tránh. Ngày 21/7/2015 bà Đ yêu cầu Thừa phát lại lập vi bằng số 150/2015/VB-TPLBT ghi nhận việc bà Đ giao Thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Q, bà V tại địa chỉ số X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu ông Q, bà V trả lại cho bà số tiền 8.150.000.000 đồng, không tính lãi, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2016/QĐ-ADBPCTT ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Z.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Q, bà Nguyễn Thị Thúy V có ông Trương Hồng T đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Thành Đ2 (chồng bà Đ) là thành viên Công ty TNHH thương mại – xây dựng - dịch vụ - du lịch V (gọi tắt là công ty V) do ông Nguyễn Đức Q làm đại diện theo pháp luật. Trong quá trình hoạt động, công ty V đã tham gia góp vốn cho công ty T vay để xây dựng trường tiểu học – mầm non T tại Thành phố P – B. Các thành viên góp tiền cho vay cụ thể như sau: ông Nguyễn Đức Q 10 tỷ đồng; ông Lương Quốc B 14,8 tỷ đồng; ông Nguyễn Văn G 22 tỷ đồng; ông Nguyễn Thành Đ2 9,1 tỷ đồng và bà Phan Thị T Kết 5,8 tỷ đồng.

Giữa ông Q, bà V và bà Đ trước giờ không phát sinh quan hệ vay mượn cá nhân nào. Những lần chuyển tiền của bà Đ dựa trên các giấy chuyển tiền là số tiền mà ông Đ2 (chồng bà Đ) có nghĩa vụ đóng góp nhằm phục vụ nhu cầu đầu tư, kinh doanh của công ty V. Tại biên bản họp ngày 17/01/2011 của các thành viên công ty V có ghi nhận bà Đ nhận số tiền 1.917.341.000 đồng là một trong những chứng cứ chứng minh về việc góp vốn và chia lợi nhuận giữa các thành viên. Do vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu đòi tiền của bà Đ.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ buộc ông Nguyễn Đức Q và bà Nguyễn Thị Thúy V phải trả lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền 8.150.000.000 đồng (Tám tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2016/QĐ-ADBPCKTT ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Z.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 27/11/2017 nguyên đơn bà Phạm Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án.

Ông Đ1 và ông D là đại diện cho bà Đ yêu cầu hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

- Ông Q không có chứng từ góp vốn vào công ty T.
- Các thành viên công ty Vinh Quang góp vốn với công ty T không rõ ràng.
- Biên bản cuộc họp ngày 17/01/2011 bà Đ ký tên nhưng chưa nhận tiền, bà Đ chỉ là người làm chứng trong biên nhận tiền 1.500.000.000 đồng ngày 22/3/2011.
- Ông Đô góp vốn vào công ty V chỉ có 1.300.000.000 đồng.
- Không đưa công ty V và các thành viên công ty tham gia tố tụng.
- Không đưa công ty T tham gia tố tụng để xác định việc công ty V góp vốn.
- Không đưa bà Đ và chồng bà Đ tham gia tố tụng vì bà Đ có ký tên giấy biên nhận tiền ngày 22/3/2011, cần phải đưa ông P tham gia tố tụng.
- Không đưa những người ký tên trong biên bản ngày 17/01/2011 tham gia để đối chất.
- Biên bản ngày 17/01/2011 ghi bà K vắng mặt nhưng lại có ký tên.

Bà X đại diện ông Q, bà V yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Số tiền 8.150.000.000 đồng bà Đ chuyển vào tài khoản của ông Q là có thực. Tuy nhiên việc bà Đ khai bà cho vợ chồng ông Q, bà V vay mượn số tiền này trong vòng 01 năm như đã khai ở cấp sơ thẩm và từ 03 đến 04 tháng tại cấp phúc thẩm là không có căn cứ.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chồng bà Đ ông Nguyễn Thành Đô là thành viên của công ty TNHH TM – XD – DV – DL V (gọi tắt là công ty V) do ông Nguyễn Đức Q làm đại diện theo pháp luật. Ông Đ2 góp vốn số tiền 9,1 tỷ đồng vào công ty V để công ty góp vốn cho công ty T vay xây dựng trường học. Các thành viên công ty chuyên tiền góp vốn vào công ty đều thông nhất chuyển tiền vào tài khoản của ông Q.

Ngày 17/01/2011 ông Đ2 và bà Đ đã ký biên bản họp sẽ được nhận 1.917.341.000 đồng.

Ngày 22/3/2011 bà Đ đã nhận 1.500.000.000 đồng là những khoản tiền theo thỏa thuận ông Đ2 được nhận từ tiền vay ngân hàng tương ứng với số tiền vốn góp của ông Đ2.

Như vậy ông Đ2 và bà Đ là vợ chồng nên bà Đ chuyển tiền góp vốn vào công ty V cũng như nhận những khoản tiền thay ông Đ2 là có căn cứ.

Giấy nhận tiền ngày 22/3/2011 có ghi rõ nội dung: “...Trong khoản vay của Ngân hàng Vpbank chi nhánh H. Về việc góp vốn vào công ty TNHH TM DV du lịch V”.

Biên bản cuộc họp ngày 17/01/2011 bà Đ và ông Đ2 tham dự cùng ký tên vào biên bản là những thỏa thuận của các thành viên công ty V về việc giải ngân tiền vay cũng như góp vốn. Không có chứng cứ gì thể hiện tiền chuyển vào tài khoản ông Q là tiền cho vay mượn.

Xét yêu cầu hủy án của ông Đ1 và ông D đại diện bà Đ tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ kiện tranh chấp đòi tài sản không phải là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng góp vốn. Do vậy không cần thiết phải đưa công ty V, các thành viên công ty và những người khác liên quan công ty V tham gia tố tụng. Tòa án chỉ ghi nhận

việc ông Q thừa nhận bà Đ, ông Đ2 góp vốn vào công ty V số tiền 9.100.000.000 đồng, số tiền 8.150.000.000 đồng bà Đ chuyển vào tài khoản ông Q là tiền vợ chồng bà Đ, ông Đ2 góp vốn như thừa nhận của bị đơn mà thôi.

Xét giấy nhận tiền ngày 22/3/2011 có bà Phạm Thị Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 cùng ký tên bên người nhận tiền, số tiền là 1.500.000.000 đồng. Bà Đ khai tại phiên tòa phúc thẩm bà chỉ ký làm chứng cho em ông Đ2 là bà Nguyễn Thị Đ1 nhận tiền. Tuy nhiên bà Đ khai tại phiên tòa phúc thẩm bà ký hợp đồng tín dụng vay tiền và ký tên vào giấy này, cũng đưa cho bà Đ để nộp tiền góp vốn vào công ty V. Số tiền 1.500.000.000 đồng này bà không nhận mà bà Đ nhận.

Bà Đ không phản đối lời khai của bà Đ1.

Xét yêu cầu sửa án sơ thẩm trong đơn kháng cáo của bà Đ cũng như yêu cầu hủy án sơ thẩm của người đại diện của bà Đ tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: bà Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Đ.

Giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ buộc ông Nguyễn Đức Q và bà Nguyễn Thị Thúy V phải trả lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền 8.150.000.000 đồng (Tám tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2016/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Z.

Trả lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền bảo đảm là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa số TK 6340.601.388.487 của sổ AB 00001328274 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Z.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 116.150.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Phạm Thị Đ phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AG/2011/01583 ngày 28/9/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z. Bà Phạm Thị Đ còn phải nộp 115.950.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị Đ phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AD/2014/0008395 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H.Z;
- Chi cục THADS H.Z;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Xuân Trang